

Số : 64/QĐ-THCS NGT

Tân Bình, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NGUYỄN GIA THIỀU

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2007 sửa đổi bổ sung Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ủy Ban Nhân Dân quận Tân Bình về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2021(giai đoạn 2019-2021) cho đơn vị đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo quận Tân Bình;

Căn cứ vào Hội nghị cán bộ công chức viên chức được tổ chức vào ngày 24/10/2020

Căn cứ vào kết quả của thảo luận xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ vào ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 của Trường THCS Nguyễn Gia Thiều.

Điều 2. Các tiêu chuẩn, định mức phát sinh mới không có trong bảng quy chế chi tiêu nội bộ sẽ được bổ sung thêm tùy theo tình hình thực tế.

Điều 3. Công chức, viên chức, lao động hợp đồng của trường THCS Nguyễn Gia Thiều chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

Nơi nhận :

- Như điều 3
- P.TCKH:P.GD;KBNN
- Lưu

HIỆU TRƯỞNG



[Signature]
Nguyễn Xuân Đắc

QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ

(Ban hành theo Quyết định số: 64/QĐ-THCS NGT ngày 31 tháng 12 năm 2020)

CHƯƠNG 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích yêu cầu của quy chế chi tiêu nội bộ:

Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ giúp đơn vị sự nghiệp có thu tạo quyền chủ động, tự quyết, tự chịu trách nhiệm, sắp xếp lại bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để thực hiện các hoạt động thường xuyên phù hợp với đặc thù của Trường .

Điều 2: Nguyên tắc xây dựng quy chế :

- Đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, sử dụng kinh phí hiệu quả.
- Căn cứ nội dung, yêu cầu và hiệu quả công việc, trong phạm vi nguồn tài chính đơn vị được sử dụng, nhà trường quy định các mức chi quản lý, chi phí nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu .

Điều 3: Phạm vi xây dựng quy chế :

- 1/ Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô
- 2/ Tiêu chuẩn về nhà ở làm việc
- 3/ Chế độ công tác nước ngoài
- 4/ Chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo Quốc tế ở Việt Nam
- 5/ Kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia
- 6/ Nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao
- 7/ Kinh phí thực hiện tình giảm biên chế
- 8/ Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn đối ứng dự án và vốn viện trợ

Điều 4: Một số nội dung xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ

- 1/ Tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp theo quy định.
- 2/ Trang bị và quản lý thiết bị chiếu sáng và PCCC cơ quan.
- 3/ Sử dụng văn phòng phẩm và điện nước .
- 4/ Chi phí sử dụng điện thoại và sách báo tuyên truyền.
- 5/ Chi tiêu hội nghị, công tác phí.
- 6/ Chi phí nghiệp vụ thường xuyên.
- 7/ Hoạt động sản xuất và cung ứng dịch vụ.
- 8/ Nguồn thu sự nghiệp (thu theo thỏa thuận)
- 9/ Sửa chữa, mua mới tài sản.
- 10/ Trích lập và sử dụng các quỹ.

Điều 5: Căn cứ pháp lý để xây dựng quy chế:

1/ Căn cứ Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế, tài chính đối với Đơn vị Sự nghiệp Công lập;

2/ Thông tư 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 của BTC về hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế, tài chính đối với Đơn vị Sự nghiệp Công lập.

3/ Thông tư 113/2007/TT-BTC ngày 24/07/2007 của BTC về sửa đổi bổ sung TT 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 của BTC về hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế, tài chính đối với Đơn vị Sự nghiệp Công lập.

4/ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý;

5/ Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

6/ Căn cứ vào Hội nghị cán bộ công chức viên chức được tổ chức vào ngày 24/10/2020

7/ Căn cứ vào kết quả của thảo luận xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ vào ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ.

CHƯƠNG 2: NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. THU, CHI HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ:

Điều 6. Các khoản thu

1. Học phí: 873.720.000đồng

Mức thu: 60.000đ/HS/tháng

- Khối 6: 409HS : 220.860.000 (9 tháng)
- Khối 7: 396HS : 213.840.000 (9 tháng)
- Khối 8: 382HS : 206.280.000 (9 tháng)
- Khối 9: 431HS : 232.740.000 (9 tháng)

2. Thu thỏa thuận: *(theo Kế hoạch thu, chi đính kèm đã thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo và thống nhất với từng phụ huynh học sinh).*

2.1 Thu Học phí TCTA: 833.760.000đồng

Mức thu: 120.000đ/HS/tháng

- Khối 6: 192HS : 207.360.000 (9 tháng)
- Khối 7: 184HS : 198.720.000 (9 tháng)
- Khối 8: 170HS : 183.600.000 (9 tháng)
- Khối 9: 226HS : 244.080.000 (9 tháng)

2.2 Thu Học phí Tin học NC: 439.020.000đồng

Mức thu: 60.000đ/HS/tháng

- Khối 8: 382HS : 206.280.000 (9 tháng)

- Khối 9: 431HS : 232.740.000 (9 tháng)

2.3 Thu Học TA với GV nước ngoài: 1.428.210.000đồng

Mức thu: 180.000đ/HS/tháng,

Khối 8 lớp thường: 90.000đ/HS/tháng

- Khối 6: 339HS : 427.140.000 (7 tháng)

- Khối 7: 326HS : 410.760.000 (7 tháng)

- Khối 8: 170HS : 214.200.000 (7 tháng)

- Khối 8: 145HS : 91.350.000 (7 tháng), lớp thường

- Khối 9: 226HS : 284.760.000 (7 tháng)

2.4 Thu Học phí học Tích hợp: 729.000.000đồng/tháng

Mức thu: 2.700.000đ/HS/tháng

- Lớp 6/1: 35HS : 94.500.000 (/ tháng)

- Lớp 6/2: 35HS : 94.500.000 (/ tháng)

- Lớp 7/1: 35HS : 94.500.000 (/ tháng)

- Lớp 7/2: 35HS : 94.500.000 (/ tháng)

- Lớp 8/1: 33HS : 89.100.000 (/ tháng)

- Lớp 8/2: 34HS : 91.800.000 (/ tháng)

- Lớp 9/1: 32HS : 86.400.000 (/ tháng)

- Lớp 9/2: 31HS : 83.700.000 (/ tháng)

Mức trích lại 15% (tháng): 109.350.000đ

Mức trích lại 15%/ (9 tháng): 984.150.000đ ✓

3. Thu từ hoạt động dịch vụ khác:

Kinh phí hướng dẫn thực tập.

Kinh phí quản lý học sinh đi xe đưa rước

Điều 7. Chi hoạt động sự nghiệp gồm:

1. Chi từ nguồn học phí: 873.720.000đồng

- Trích 40% cải cách tiền lương: 349.488.000đ

- Hỗ trợ chi lương cho nhân viên hợp đồng: 70.000.000đ-100.000.000đ.

- Đóng BHXH cho nhân viên hợp đồng: 80.000.000đ-90.000.000đ/năm

- Tiền lương GV dạy hợp đồng: 80.000đ/tiết – 100.000đ/tiết.

- Chi kinh phí giáo viên dạy bồi dưỡng HS dự thi các kì thi cấp Quận, thành phố từ 60.000 - 100.000đ/tiết

- Chi công tác nhóm trưởng chuyên môn 2 tiết/tháng: 40.000đ - 80.000đ/tiết

- Chi công tác chủ nhiệm các câu lạc bộ trong nhà trường: 40.000đ - 80.000đ/tiết

- Chi kinh phí GV dạy bồi dưỡng HS dự thi các kì thi cấp Quận, thành phố: 60.000 – 100.000đ/tiết

- Tiền công GV dạy BD HS dự thi các kì thi: 80.000đ-100.000đ/tiết

- Mua sách nâng cao cho GV và HS, ĐDDH: 10.000.000đ – 30.000.000đ/năm

- Bảo trì sửa chữa thường xuyên máy tính, máy lạnh, đường điện, nước: 10.000.000đ-20.000.000đ/năm.
 - Hỗ trợ hoạt động giảng dạy 2 HK/1năm học. Đơn giá: 5.000đ - 10.000đ/tiết
 - Đối tượng: Lao động biên chế
 - Số tiết được tính như sau: HT, PHT, KT, BV, PV, TQ, TB, TPT...: 19 tiết/tuần; số tiết giáo viên : theo phân công chuyên môn.
 - Hỗ trợ chi hoạt động (Điện - nước- Điện thoại, thuốc y tế, nước uống, Khám sức khỏe HS...): 20.000.000đ-40.000.000đ/năm
 - Tham gia hoạt động VTM, hội thi, thực hiện chuyên đề: 50.000 - 150.000đ/lần/1 lớp - Khen thưởng HS đạt giải các phong trào: 70.000 - 100.000đ/HS.
 - Chi kinh phí tổ chức các chuyên đề, thao giảng cấp quận, cấp thành phố có giáo viên của trường và các trường khác đến tham dự gồm băng rôn, văn phòng phẩm, photo tài liệu; chi tiền bánh, nước tiếp khách tối đa 30.000đ/người (chi theo nhu cầu số lượng thực tế)
 - Báo cáo viên: 200.000đ-2.000.000đ/người/lần
 - Văn phòng phẩm, photo: 10.000.000đ/20.000.000đ/năm
 - Kinh phí tổ chức các ngày lễ khai giảng, tổng kết năm học: 10.000.000đ-20.000.000đ/lần
- 2. Chi từ nguồn thu thỏa thuận:** *(theo kế hoạch thu, chi đã thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo và thống nhất với từng phụ huynh học sinh Tháng 11/2020).*
- 3. Chi từ hoạt động dịch vụ khác:**
- Thuế môn bài: 1.000.000đ/năm
 - Chi kinh phí hướng dẫn thực tập: Chi theo hợp đồng công tác thực tập sư phạm
 - Chi kinh phí quản lý HS đi xe đưa rước: Chi theo tỉ lệ: BGH: 3; KT, TQ: 2; GT: 2.5; BV, VT: 2.5.

Điều 8: Chênh lệch thu, chi nguồn thu thỏa thuận: 250.000.000đ

- Chênh lệch cuối năm thực hiện chi theo hướng dẫn tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ:

Trích 40% cải cách tiền lương

Trích lập quỹ 60% theo tỉ lệ:

- Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp: 8%
- Quỹ khen thưởng: 7%
- Quỹ Phúc lợi: 84.95%
- Quỹ ổn định thu nhập: 0.05%

B. THU, CHI HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYỀN:

I. THU HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYỀN:

Điều 9: Nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên gồm:

Ngân sách cấp: 12.435.830.401 đồng

- a. Tồn năm 2020 chuyển sang: 686.993.401 đồng
 - Kinh phí nguồn 13: 0 đồng
 - Kinh phí nguồn 14: 686.993.401 đồng
- b. Kinh phí thường xuyên năm 2021: 11.748.837.000 đồng

II. CHI HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYỀN

Điều 10: Các nội dung thanh toán cá nhân:

+ **Mục 6000: Tiền lương: 6.000.000.000đ/năm** (HS lương x MLCS)

+ **Mục 6100: Phụ cấp lương: 2.100.000.000đ/năm**

Phụ cấp lương: *theo các văn bản quy định hiện hành.*

Phụ cấp chức vụ: *theo các văn bản quy định hiện hành.*

Phụ cấp trách nhiệm: *theo các văn bản quy định hiện hành.*

Hướng dẫn giáo viên thử việc: *theo các văn bản quy định hiện hành.*

Phụ cấp ưu đãi 30% đối với nhà giáo: *theo các văn bản quy định hiện hành.*

Phụ cấp thêm giờ: *theo các văn bản quy định hiện hành.*

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT- BGDDĐT-BNV-BTC ngày 8/3/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính.

Phụ cấp thâm niên vượt khung: *theo các văn bản quy định hiện hành.*

+ **Mục 6200 Tiền thưởng: 57.000.000đ/năm**

- Tiền thưởng: Theo NĐ số 91/2017/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng)

Chiến sĩ thi đua: = MLCS

Lao động tiên tiến = MLCS x 30%

+ **Mục 6300 Các khoản đóng góp: 1.308.492.041đ/năm**

- Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN: theo quy định của bảo hiểm

Bảo hiểm xã hội: 17,5%

Bảo hiểm y tế: 3%

Kinh phí công đoàn: 2%

Bảo hiểm thất nghiệp: 1%

+ **Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân:**

- Chế độ bồi dưỡng đối với giáo viên thể dục thể thao: Theo qui định của thủ tướng chính phủ tại Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao

- Trợ cấp khác:

Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý, cụ thể:

* **Đối với đối tượng là công chức, viên chức:**

- Mức chi trả thu nhập tăng thêm:

Trên cơ sở Quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Gia Thiều (kèm Danh sách cụ thể từng người):

+ Công chức, viên chức được đánh giá, phân loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” được hưởng mức 1,2 x Tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ (được xác định bao gồm lương, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung).

+ Công chức, viên chức được đánh giá, phân loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” được hưởng mức 1,2 x 80% x Tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ (được xác định bao gồm lương, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung).

- Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn chi thường xuyên, nguồn cải cách tiền lương của đơn vị.

*** Đối với đối tượng là Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ (nếu có):**

Trên cơ sở Quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Gia Thiều (kèm Danh sách cụ thể từng người):

+ Người lao động được đánh giá phân loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” được hưởng 3.600.000 đồng/người/quý.

+ Người lao động được đánh giá phân loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” được hưởng 3.000.000 đồng/người/quý.

- Nguồn kinh phí thực hiện: Từ chênh lệch thu lớn hơn chi của kinh phí hoạt động thường xuyên và hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

Điều 11: Các nội dung chi hoạt động:

Mục 6250: Phúc lợi tập thể: 55.000.000 – 75.000.000đ/năm

Nước uống cho CC, VC trong giờ làm việc: 20.000.000-25.000.000đ/năm

Tiền y tế tại đơn vị: 30.000.000đ – 40.000.000đ/năm

Chi khác: 5.000.000đ – 10.000.000đ/năm

Mục 6500: Dịch vụ công cộng: 272.000.000đ/năm

Tiền điện	(Tối đa)	250.000.000	đồng/năm
Tiền nước	(Tối đa)	12.000.000	đồng/năm
Tiền vệ sinh môi trường	(Tối đa)	10.000.000	đồng/năm

Mục 6550: Vật tư văn phòng: 90.000.000đ/năm

Văn phòng phẩm	(Tối đa)	50.000.000	đồng/năm
Dụng cụ văn phòng	(Tối đa)	10.000.000	đồng/năm
Vật tư văn phòng khác	(Tối đa)	30.000.000	đồng/năm

Mục 6600: Thông tin tuyên truyền – liên lạc: 47.500.000đ/năm

Cước điện thoại trong nước	(Tối đa)	5.000.000	đồng/năm
Cước phí bưu chính	(Tối đa)	500.000	đồng/năm
Cước phí internet	(Tối đa)	10.000.000	đồng/năm
Cước phí truyền hình cáp	(Tối đa)	2.000.000	đồng/năm
Sách báo, tạp chí	(Tối đa)	30.000.000	đồng/năm

Mục 6650: Hội nghị : 10.000.000 – 12.000.000đ/năm

In, mua tài liệu

Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên
Chi KP hỗ trợ các buổi họp, hội nghị, lễ 8/3, lễ 20/11 ...: theo qui định
tại TT40/2017/TT-BTC.

Mục 6700: Công tác phí : 12.000.000đ/năm

Theo qui định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính qui định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Kế toán	12 tháng x 500.000đ/tháng	6.000.000đ/năm
Văn thư	12 tháng x 500.000đ/tháng	6.000.000đ/năm

Mục 6750: Chi phí thuê mướn: 90.000.000đ/năm

Phương tiện vận chuyển: 5.000.000 - 10.000.000 đồng/năm

Chi phí thuê lao động trong nước (SC nạo vét cống thoát nước, hồ ga.....)
tối đa: 10.000.000 đồng/năm

Khác (thuê mướn âm thanh) tối đa: 70.000.000 đồng/năm

Mục 6900: Sửa chữa thường xuyên TSCĐ: 50.000.000 -100.000.000đ/năm

Nhà cửa, tài sản, thiết bị công nghệ thông tin, đường điện, cấp thoát nước....

Mục 6950: Mua sắm tài sản PV công tác chuyên môn: 20.000.000đ/năm

Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: 225.000.000đ

Hàng hóa vật tư: 80.000.000đồng (Tối đa)

In ấn chỉ, photo tài liệu dùng cho CM: 5.000.000đồng (Tối đa)

Đồng phục :TPT - GVTD (theo qui định): 10.000.000đồng (Tối đa)

Sách, tài liệu dùng cho chuyên môn 100.000.000đồng (Tối đa)

Chi khác: Khen thưởng học sinh 40.000.000đồng (Tối đa)

Mục 7750: Chi Khác: 10.000.000-30.000.000đ/năm

Chi tiếp khách, mua cây cảnh, phân bón, đất trồng.....

Mục 8000: Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm.

Thực hiện theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Điều 12: Sử dụng kinh phí tiết kiệm

*** Trích lập các quỹ và trả thu nhập tăng thêm:**

Trả thu nhập tăng thêm: chi trả thu nhập tăng thêm cụ thể cho người lao động gồm lao động trong biên chế như sau:

➢ Được tính sau khi trừ các khoản chi thường xuyên trong năm , đảm bảo toàn bộ hoạt động của nhà trường .

*** Dự kiến Chi tăng thu nhập từ ngân sách: 500.000.000đ**

- Đối tượng được hưởng TNTT:

+ Toàn thể CC - VC trong biên chế

- Điều kiện tính hưởng TNTT:

+ Điều kiện tính hưởng: Tính theo số tháng làm việc thực tế. Công chức, viên chức nghỉ việc không hưởng lương thì không được hưởng thu nhập tăng thêm; nghỉ thai sản đúng chế độ vẫn được hưởng.

+ 95% số tiền chi TNTT được chi theo tỷ lệ bình quân và 5% còn lại chi theo hệ số chức vụ cụ thể là :

- Hiệu Trưởng : 2.0
- Phó hiệu trưởng : 1.8

- Người giữ chức vụ Tổ trưởng chuyên môn, tổ phó, kế toán trưởng, thư ký HDSP, tổng phụ trách đội, CTCĐ, bí thư chi đoàn: 1.6

*** Dự kiến Trích lập các quỹ từ ngân sách: 300.000.000đ**

- Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp: 8%
- Quỹ khen thưởng: 7%
- Quỹ Phúc lợi: 84.95%
- Quỹ ổn định thu nhập: 0.05%

Điều 13: Sử dụng các loại quỹ

1/. Mục 7951: CHI LẬP QUỸ BỔ SUNG THU NHẬP: Mục đích để đảm bảo ổn định về thu nhập cho CBVC trong trường hợp nguồn kinh phí bị giảm sút. Khi sử dụng có sự thống nhất của lãnh đạo, công đoàn cơ quan và công khai trong đơn vị.

2/.Mục 7952: CHI LẬP QUỸ PHÚC LỢI:

- Trục nhật các ngày lễ, tết: 150.000đ – 200.000đ/ buổi /người đối với bảo vệ và nhân viên phục vụ (theo lịch phân công cụ thể của Hiệu trưởng)

- Khám sức khỏe định kỳ: Tùy theo năm học công đoàn sẽ kết hợp với đơn vị có chức năng tổ chức khám sức khỏe cho người lao động, kinh phí 500.000đ - 700.000đ/1 người (diện biên chế trong chỉ tiêu và lao động hợp đồng).

- Chi Tết nguyên đán: 3.000.000 đ/ người (diện biên chế và lao động HĐ)

- Lì xì Tết Nguyên đán: 100.000đ/người

- Ngày lễ 20/11 : 1.000.000đ /người (diện BC, lao động HĐ)

3/. Mục 7953: CHI LẬP QUỸ KHEN THƯỞNG : Dùng để chi khen thưởng định kỳ, đột xuất theo kết quả công tác cho tất cả công chức, viên chức và lao động hợp đồng.

Mức khen thưởng: Giải I: 1.000.000đ, Giải II: 700.000đ, Giải III: 500.000đ, Giải khuyến khích: 200.000đ cho các giải:

- Khen thưởng GV trực tiếp huấn luyện HS tham gia các phong trào do các ban ngành tổ chức: Thi văn hay chữ tốt, phong trào TDTT, BDHS bộ môn đạt giải cấp TP trở lên.

- Khen thưởng cá nhân đạt giải các cuộc thi cấp Quận cấp TP trở lên và những cá nhân có cống hiến đem lại thành tích cho đơn vị.

4/. Mục 7954: CHI LẬP QUỸ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP:

- Dùng để chi đầu tư tăng cường CSVC, nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp, bổ sung vốn đầu tư CSVC; mua sắm bàn ghế, trang thiết bị, CSVC; sửa chữa nhà cửa, nâng cấp máy móc thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy .

- Các nghiên cứu áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động dạy học của nhà trường ; hỗ trợ đào tạo - bồi dưỡng chuyên môn nâng cao trình độ nghiệp vụ theo chủ trương của Ngành.

- Chi các hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ cho đội ngũ (bồi dưỡng hiệu trưởng, thay sách giáo khoa, đổi mới phương pháp dạy học, bồi dưỡng tổ trưởng chuyên môn....- Chi kinh phí cho GV tham gia các hoạt động tham quan, học tập do PGD, SGD tổ chức.

CHƯƠNG 3

TRÁCH NHIỆM CỦA THỦ TRƯỞNG VÀ CÁN BỘ, VIÊN CHỨC

Hàng năm tại Hội nghị CB-VC của trường hoặc tại hội nghị liên tịch của nhà trường với Công Đoàn, căn cứ vào ý kiến của các tổ, công đoàn sẽ tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh bản qui chế đáp ứng kịp thời tình hình công tác của cơ quan và các chỉ tiêu hướng dẫn cụ thể về tài chính của cấp trên theo từng thời gian.

CHƯƠNG 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện như sau:

- 1/ Thực hiện công khai, dân chủ, thống nhất;
- 2/ Ban thanh tra nhân dân và tổ chức công đoàn có trách nhiệm kiểm tra, giám sát;
- 3/ Quá trình thực hiện có những vấn đề gì vướng mắc, chưa phù hợp sẽ được điều chỉnh phù hợp với tình hình cụ thể.
- 4/ Qui định chế độ trách nhiệm cho từng bộ phận, cá nhân, khen thưởng và xử phạt
- 5/ Thực hiện quản lý tài chính theo đúng quy định.

Điều 20. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021, mọi quy định trước đây trái với quy chế này đều được bãi bỏ.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Nguyễn Thị Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Đắc